

Số: 1620 /UBND-TC

Quận 12, ngày 01 tháng 02 năm 2019

Về việc thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh trên địa bàn thành phố

KHẨN

Kính gửi:

- Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận;
- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường;
- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập.

Ủy ban nhân dân quận có nhận Công văn số 276/STC-CS ngày 11/01/2019 của Sở Tài chính

về việc thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh trên địa bàn thành phố, theo đó có đề nghị báo cáo cho Sở Tài chính giá trị tài sản cố định của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn quận.

Sau khi xem xét, Ủy ban nhân dân quận có ý kiến như sau:

Đề nghị Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập khẩn trương xây dựng các chỉ tiêu theo Mẫu số 013.N/BCS-XDĐT (được ban hành kèm theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố) và báo cáo kết quả bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân quận, (thông qua phòng Tài chính – Kế hoạch, gửi kèm tập tin qua địa chỉ hộp thư điện tử: tckh.q12@tphcm.gov.vn) để báo cáo Sở Tài chính theo quy định.

Thời gian thực hiện **trước ngày 15/02/2019**.

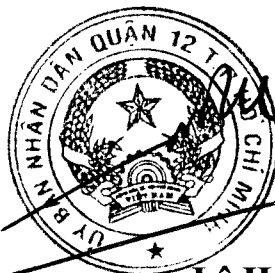
Ủy ban nhân dân quận có ý kiến như trên để Thủ trưởng các đơn vị biết và thực hiện.

Đính kèm: Mẫu số 013.N/BCS-XDĐT. *Bau*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND/Q: CT, các PCT;
- P. TCKH;
- VP UBND/Q;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huỳnh Minh Tú

Biểu số: 013.N/BCS-XDDT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 28/3 năm sau năm báo cáo

**GIÁ TRỊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN**

Đơn vị báo cáo:

Sở Tài chính.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống

Năm

kế.....

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	TỔNG SỐ		TÀI SẢN CÓ ĐỊNH CHIA THEO LOẠI TÀI SẢN							
				Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		TSCĐ khác	
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm
A	B	1=3+5+7+9	2=4+6+8+10	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số (01=02+...+22=23+24)	01										
I. PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ VSIC 2007											
A. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	02										
B. Khai khoáng	03										
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	04										
D. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	05										
E. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	06										
F. Xây dựng	07										

		TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CHIA THEO LOẠI TÀI SẢN									
		TỔNG SỐ		Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		TSCĐ khác	
				Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm
Mã số		Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	3	4	5	6	7	8	9	10
A	B	1=3+5+7+9	2=4+6+8+10								
C. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	08										
H. Vận tải, kho bãi	09										
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	10										
J. Thông tin và truyền thông	11										
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	12										
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	13										
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	14										
N. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	15										
O. Hoạt động của Đảng, Cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bất thuộc	16										

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH CHIA THEO LOẠI TÀI SẢN										
Mã số	TỔNG SỐ		Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		TSCĐ khác	
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm
A	1=3+5+7+9	2=4+6+8+10	3	4	5	6	7	8	9	10
P. Giáo dục và đào tạo	17									
Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	18									
R. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	19									
S. Hoạt động dịch vụ khác	20									
T. Hoạt động làm thuê công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	21									
U. Hoạt động của tổ chức và cơ quan quốc tế	22									
II. PHÂN THEO CẤP QUẢN LÝ										
1. Trung ương quản lý	23									
2. Địa phương quản lý	24									

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

